

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học, cao đẳng, trung cấp chính quy
tháng 10/2015**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/ CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-ĐHNT ngày 28/02/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ kết quả học tập các lớp hệ chính quy đào tạo tại Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 168 sinh viên, Cao đẳng chính quy cho 154 sinh viên; Trung cấp chuyên nghiệp cho 13 học sinh, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

A. Đại học chính quy:

TT	Ngành tốt nghiệp	K50 2008 - 2012	K51 2009 - 2013	K52 2010 - 2014	K53 2011 - 2015	Cộng
1	Công nghệ sinh học	-	02	-	-	02
2	Công nghệ thông tin	-	01	02	07	10
3	Kế toán	-	01	01	30	32
4	Kinh doanh thương mại	-	01	-	02	03
5	Kinh tế và quản lý thủy sản	-	-	01	-	01
6	Ngôn ngữ Anh	-	-	01	04	05
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	03	03
8	Quản trị kinh doanh	-	01	02	04	07
9	Tài chính – Ngân hàng	-	-	04	22	26
10	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	-	07	07
11	Công nghệ chế tạo máy	-	-	-	04	04
12	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	02	-	02
13	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01	01	-	04	06
14	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	01	-	10	11

TT	Ngành tốt nghiệp	K50 2008 - 2012	K51 2009 - 2013	K52 2010 - 2014	K53 2011 - 2015	Cộng
15	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	-	-	04	04
16	Công nghệ kỹ thuật nhiệt-lạnh	-	01	-	-	01
17	Công nghệ kỹ thuật ô tô	01	-	-	03	04
18	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	05	08	13
19	Công nghệ thực phẩm	-	01	-	11	12
20	Kỹ thuật tàu thủy	-	02	02	03	07
21	Nuôi trồng thủy sản	-	01	-	07	08

B. Cao đẳng chính quy:

TT	Ngành tốt nghiệp	K51 2009- 2012	K52 2010- 2013	K53 2011- 2014	K54 2012- 2015	Cộng
1	Cơ Điện Lạnh	-	01	02	-	03
2	Công nghệ chế biến thủy sản	02	-	02	03	07
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	-	02	02
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	02	05	07
5	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	-	-	02	02
6	Công nghệ kỹ thuật nhiệt-lạnh	-	01	-	-	01
7	Công nghệ thông tin	-	-	05	08	13
8	Công nghệ thực phẩm	-	-	07	20	27
9	Kế toán	01	02	20	31	54
10	Quản trị kinh doanh	-	-	07	31	38

C. Trung cấp chính quy:

TT	Ngành tốt nghiệp	K51 2009- 2011	K52 2010- 2012	K53 2011- 2013	K54 2012- 2014	K55 2013- 2015	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	-	01	-	01
2	Công nghệ thực phẩm	-	-	-	02	02	04
3	Kế toán doanh nghiệp	-	01	03	01	02	07
4	Kế toán – Tin học	01	-	-	-	-	01

Điều 2. Trường phòng, khoa, viện liên quan và sinh viên, học sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

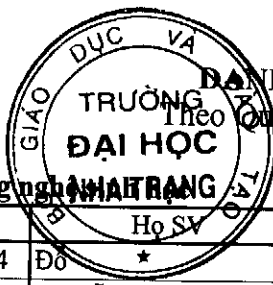
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu Văn thư, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ IV NĂM 2015

Theo Quyết định số 1011/QĐ-ĐHNT ngày 30/10/2015

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Ngành Công nghệ may

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51130774	Đỗ	Liên	07/02/1991	Phú Yên	Nam	TB Khá	51CNSH	2009-2013
2	51131167	Nguyễn Duy	Phương	02/04/1991	Quảng Ninh	Nam	TB Khá	51CNSH	2009-2013

Danh sách có 02 sinh viên.

2. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51131969	Lê Thị Kim	Tú	16/03/1991	Khánh Hòa	Nữ	TB Khá	51TH-1	2009-2013
2	52131849	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	29/10/1992	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	52TH	2010-2014
3	52131904	Lê Hồng	Phúc	14/07/1992	Quảng Ngãi	Nam	Khá	52TH	2010-2014
4	53130152	Lương Văn	Cường	05/07/1993	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	53.CNTT	2011-2015
5	51130268	Nguyễn Hoàng	Dương	22/06/1991	Nghệ An	Nam	Trung bình	53.CNTT	2011-2015
6	53130869	Lê Xuân	Long	16/12/1993	Thanh Hóa	Nam	Khá	53.CNTT	2011-2015
7	53131130	Nguyễn Vĩ	Nhon	24/10/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.CNTT	2011-2015
8	53131298	Nguyễn Văn	Quá	10/01/1993	Quảng Ngãi	Nam	Khá	53.CNTT	2011-2015
9	53131800	Nguyễn Đình	Trà	22/10/1993	Quảng Nam	Nam	Khá	53.CNTT	2011-2015
10	53132067	Võ Hoàng	Vũ	20/09/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53.CNTT	2011-2015

Danh sách có 10 sinh viên.

3. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51131438	Trần Hữu	Thăng	24/07/1990	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	51KTDN-3	2009-2013
2	52130727	Nguyễn Thị	Nhàn	11/02/1992	Thái Bình	Nữ	Khá	52KTDN-2	2010-2014
3	53130256	Bùi Ngọc	Duẩn	29/01/1993	Quảng Trị	Nam	Khá	53.KT-1	2011-2015
4	53130266	Nguyễn Thị Kim	Dung	01/10/1993	Hà Nội	Nữ	Khá	53.KT-1	2011-2015
5	53130454	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	10/01/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-1	2011-2015
6	53131569	Phạm Thị Phương	Thảo	18/04/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-1	2011-2015
7	53131783	Phạm Thị Bích	Trâm	10/09/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-1	2011-2015
8	53130144	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	15/09/1992	Phú Yên	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
9	53130168	Mai Thị	Châu	02/09/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
10	53130156	Nguyễn Mạnh	Cường	07/02/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	53.KT-2	2011-2015
11	53130236	Nguyễn Thị Phương	Diễm	28/02/1993	Bình Định	Nữ	Trung bình	53.KT-2	2011-2015
12	53130433	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	07/04/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
13	53130783	Trần Thị	Lan	13/12/1992	Nghệ An	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
14	53130983	Bùi Thị Lan	Nữ	20/04/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
15	53131278	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	16/11/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
16	53131218	Lê Thị Mỹ	Phương	02/05/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
17	53132128	Nguyễn Hoàng Bích	Thùy	23/12/1992	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53.KT-2	2011-2015
18	53131777	Nguyễn Thị Bích	Trâm	18/09/1992	Đắk Lắk	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
19	53131827	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	10/03/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
20	53131749	Lê Thị Cẩm	Tú	23/11/1993	Nghệ An	Nữ	Trung bình	53.KT-2	2011-2015
21	53131729	Nguyễn Hữu	Tùng	11/10/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53.KT-2	2011-2015
22	53131991	Nguyễn Thị	Vân	27/07/1993	Yên Bái	Nữ	Khá	53.KT-2	2011-2015
23	53132046	Nguyễn Hoàng	Việt	02/05/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53.KT-2	2011-2015
24	53130030	Lê Thành	Đạt	12/04/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53.KT-3	2011-2015
25	53130307	Ksor	Et	28/02/1992	Gia Lai	Nam	Khá	53.KT-3	2011-2015
26	53130519	Nguyễn Thị	Hiền	02/02/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	53.KT-3	2011-2015
27	53130591	Giản Thị	Hoa	23/08/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	53.KT-3	2011-2015
28	53130380	Võ Đỗ Lan	Hương	28/06/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-3	2011-2015
29	53130780	Nguyễn Thị	Lan	15/01/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	53.KT-3	2011-2015
30	53130844	Đặng Thị	Liễu	20/12/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53.KT-3	2011-2015
31	53131482	Trần Quốc	Thông	05/04/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53.KT-3	2011-2015
32	53132092	Phan Thị	Xuân	08/02/1993	Nghệ An	Nữ	Trung bình	53.KT-3	2011-2015

4. Ngành Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51130446	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	07/07/1991	Khánh Hòa	Nữ	TB Khá	51KTTM	2009-2013
2	52131491	Nguyễn Đình	Hòa	10/06/1991	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.KDTM	2011-2015
3	52131594	Vũ Văn	Nở	20/11/1991	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.KDTM	2011-2015

Danh sách có 03 sinh viên.

5. Ngành Kinh tế và quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52131671	Phạm Hồng	Thành	20/04/1992	Nghệ An	Nam	Khá	52KTTS-1	2010-2014

Danh sách có 01 sinh viên.

6. Ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52131845	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	10/08/1992	Phú Yên	Nữ	Khá	52TADL	2010-2014
2	53130208	Hồ Thị Cẩm	Dân	08/11/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53.TAPD-2	2011-2015
3	53130686	Trần Thị Ngọc	Huyền	15/03/1993	Nghệ An	Nữ	Trung bình	53.TAPD-2	2011-2015
4	53131017	Phạm Thị Bích	Ngân	28/01/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	53.TAPD-1	2011-2015
5	53131571	Thái Thị Phương	Thảo	14/08/1992	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TAPD-2	2011-2015

Danh sách có 05 sinh viên.

7. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53131092	Nguyễn Hoàng Phúc	Nguyên	15/01/1992	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.QTDL	2011-2015
2	53131645	Huỳnh Thị	Thùy	21/06/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	53.QTDL	2011-2015
3	53131955	Nguyễn Thị Phương	Tuyền	06/12/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.QTDL	2011-2015

Danh sách có 03 sinh viên.

8. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	50132176	Đặng Thị Hồng	Đo	08/09/1990	Khánh Hoà	Nữ	Khá	51KTKD-1	2009-2013
2	52130988	Lê Thanh	Tùng	20/10/1987	Khánh Hòa	Nam	Khá	52KTKD-1	2010-2014
3	52130550	Phan Anh	Tuấn	07/12/1992	Nghệ An	Nam	Khá	52KTKD-2	2010-2014
4	53130445	Cao Thị	Hồng	05/07/1992	Đắk Lắk	Nữ	Khá	53.QTKD-1	2011-2015
5	53131627	Bùi Hữu	Thiên	01/03/1992	Quảng Trị	Nam	Khá	53.QTKD-1	2011-2015
6	53130848	Lê Thị Nhật	Lệ	03/08/1993	Thanh Hóa	Nữ	Khá	53.QTKD-2	2011-2015
7	53131705	Bạch Thị	Thu	22/07/1992	Đắk Lắk	Nữ	Khá	53.QTKD-2	2011-2015

Danh sách có 07 sinh viên.

9. Ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52131180	Đàm Thúy	Quyên	07/02/1992	Tp Hà Nội	Nữ	Khá	52KTTC-1	2010-2014
2	52131212	Võ Trí	Tịnh	30/07/1992	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	52KTTC-1	2010-2014
3	52131342	Lê Thị Vân	Anh	21/09/1984	Đắk Lắk	Nữ	Khá	52KTTC-3	2010-2014
4	52131670	Hoàng Tiến	Thành	06/11/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	52KTTC-3	2010-2014
5	53130075	Lê Ngọc	Anh	05/07/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.TCNH-1	2011-2015
6	53130016	Nguyễn Việt Hải	Đặng	08/01/1993	Phú Yên	Nam	Trung bình	53.TCNH-1	2011-2015
7	53130339	Lê Thị Mỹ	Hằng	02/07/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53.TCNH-1	2011-2015
8	53131323	Huỳnh Đức	Qui	14/06/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.TCNH-1	2011-2015
9	53131807	Kiều Lê Thiên	Trang	06/11/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TCNH-1	2011-2015
10	53131815	Nguyễn Duy Thùy	Trang	19/04/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TCNH-1	2011-2015
11	53131873	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	16/06/1993	Đắk Lắk	Nữ	Khá	53.TCNH-1	2011-2015
12	53130128	Nguyễn Chí	Công	03/12/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.TCNH-2	2011-2015
13	53130284	Trần Vũ	Duy	05/01/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.TCNH-2	2011-2015
14	53131601	Lê Thị Ngọc	Thanh	11/12/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TCNH-2	2011-2015
15	53131577	Vũ Thị Phương	Thảo	01/02/1992	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.TCNH-2	2011-2015
16	53130170	Nguyễn Thùy Bảo	Châu	01/08/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
17	53130249	Nguyễn Thái	Dũng	21/07/1992	Phú Yên	Nam	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
18	53130362	Hồ	Hương	20/05/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
19	53130819	Đoàn Trần Thùy	Linh	11/08/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
20	53131036	Hồ Thị Tuyết	Nga	01/01/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015

9. Ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
21	53131058	Đoàn Bảo	Ngọc	28/12/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
22	53131106	Nguyễn Thị Trâm	Nguyệt	10/01/1993	Phú Yên	Nữ	Trung bình	53.TCNH-3	2011-2015
23	52131288	Nguyễn Thị Trâm	Ny	01/09/1990	Quảng Nam	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
24	53131212	Nguyễn Thị Trâm	Phuong	29/10/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
25	53131235	Nguyễn Thị Thu	Phuong	24/07/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
26	53131975	Lê Nguyễn Thục	Uyên	01/08/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015

Danh sách có 26 sinh viên.

10. Ngành Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53130014	Phạm Thị Như	Ân	18/04/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.CBTS-1	2011-2015
2	53130089	Nguyễn Tú	Anh	02/02/1993	Quảng Trị	Nam	Khá	53.CBTS-1	2011-2015
3	53130202	Phan Thị	Chung	26/06/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	53.CBTS-1	2011-2015
4	53131560	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/01/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53.CBTS-1	2011-2015
5	53131880	Hồ Lê Minh	Triết	10/01/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53.CBTS-1	2011-2015
6	53132057	Lê Tuấn	Vũ	18/12/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.CBTS-1	2011-2015
7	53131106	Hồ Thị Minh	Nguyệt	27/01/1992	Nghệ An	Nữ	Khá	53.CBTS-2	2011-2015

Danh sách có 07 sinh viên.

11. Ngành Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53130753	Nguyễn Chí	Lâm	01/11/1993	Quảng Bình	Nam	Giỏi	53.CTM	2011-2015
2	53130921	Văn Đức	Mãi	20/07/1992	Nghệ An	Nam	Khá	53.CTM	2011-2015
3	53131760	Hồ Sỹ	Toàn	19/08/1992	Nghệ An	Nam	Khá	53.CTM	2011-2015
4	53132048	Nguyễn Văn	Việt	10/03/1993	Nghệ An	Nam	Khá	53.CTM	2011-2015

Danh sách có 04 sinh viên.

12. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52130236	Phan Văn	Anh	22/11/1990	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	52CKCD	2010-2014
2	52130264	Vũ Nguyễn	Tiền	27/03/1991	Nghệ An	Nam	Trung bình	52CKCD	2010-2014

Danh sách có 02 sinh viên.

13. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	50130270	Phạm Đức	Dương	24/10/1990	Nam Định	Nam	TB Khá	50D-DT	2008-2012
2	51131432	Nguyễn Lê Thiên	Thuật	01/01/1991	Khánh Hòa	Nam	TB Khá	51D-DT	2009-2013
3	53130059	Đặng Văn	An	05/08/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	53.DDT	2011-2015
4	53130251	Nguyễn Tiến	Dũng	17/10/1993	Hải Dương	Nam	Khá	53.DDT	2011-2015
5	53130465	Phan	Hội	28/02/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53.DDT	2011-2015
6	53131916	Đỗ Văn	Tịnh	01/01/1993	Quảng Nam	Nam	Khá	53.DDT	2011-2015

Danh sách có 06 sinh viên.

14. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51130917	Nguyễn Văn	Minh	06/06/1991	Quảng Nam	Nam	TB Khá	51CNMT	2009-2013
2	53130538	Nguyễn Ngọc	Hiệp	11/03/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.CNMT-1	2011-2015
3	53130911	Đoàn Hữu	Lý	27/02/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.CNMT-1	2011-2015
4	53130918	Hoàng Thị	Mơ	12/05/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	53.CNMT-1	2011-2015
5	53131072	Phan Thị	Ngọc	10/04/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	53.CNMT-1	2011-2015
6	53131163	Lê Hữu	Nhịn	26/01/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53.CNMT-1	2011-2015
7	53131714	Nguyễn Trọng	Thuận	10/12/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.CNMT-1	2011-2015
8	53132042	Trần Văn	Vinh	20/04/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	53.CNMT-1	2011-2015
9	53130801	Nguyễn Phương	Liên	31/01/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.CNMT-2	2011-2015
10	53131064	Lưu Văn	Ngọc	14/10/1992	Bắc Giang	Nam	Khá	53.CNMT-2	2011-2015
11	53132086	Trần Thị Hồng	Xiêm	01/01/1993	Quảng Trị	Nữ	Khá	53.CNMT-2	2011-2015

Danh sách có 11 sinh viên.

15. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53130704	Trương Thị Hương	Khương	24/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Giỏi	53.CNNL	2011-2015
2	53130788	Nguyễn Văn Lộc	Lộc	08/08/1987	Thừa Thiên Huế	Nam	Khá	53.CNNL	2011-2015
3	53131350	Lê Văn Quý	Quý	01/02/1993	Phú Yên	Nam	Giỏi	53.CNNL	2011-2015
4	53131351	Nguyễn Văn Quý	Quý	20/08/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	53.CNNL	2011-2015

Danh sách có 04 sinh viên.

16. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt-lạnh

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51131775	Nguyễn Văn Trường	Trường	12/07/1990	Nam Định	Nam	TB Khá	51NL	2009-2013

Danh sách có 01 sinh viên.

17. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	4913034002	Lương Thanh Bình	Bình	13/09/1988	Quảng Ninh	Nam	Trung bình	50CKOT	2008-2012
2	53130148	Hoàng Đức Cường	Cường	20/10/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	53.CNOT	2011-2015
3	53131266	Đào Bá Phú	Phú	01/06/1993	Quảng Trị	Nam	Khá	53.CNOT	2011-2015
4	53131969	Phạm Lê Ngọc Tín	Tín	30/05/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53.CNOT	2011-2015

Danh sách có 04 sinh viên.

18. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52132062	Phan Viết Quyết	Quyết	10/07/1992	Nghệ An	Nam	Trung bình	52XD-1	2010-2014
2	52132096	Phạm Kim Duy	Duy	24/03/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	52XD-2	2010-2014
3	52132143	Trần Duy Tân	Tân	20/01/1991	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	52XD-2	2010-2014
4	52132142	Nguyễn Quốc Tuấn	Tuấn	06/06/1992	Bình Định	Nam	Trung bình	52XD-2	2010-2014
5	52132152	Nguyễn Thông Vỹ	Vỹ	08/08/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	52XD-2	2010-2014
6	53130809	Nguyễn Đức Lợi	Lợi	10/09/1993	Nam Định	Nam	Khá	53.CN XD-1	2011-2015
7	53131951	Lê Phạm Công Tuyển	Tuyển	15/02/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.CN XD-1	2011-2015
8	53130285	Vũ Văn Duy	Duy	25/05/1992	Ninh Bình	Nam	Khá	53.CN XD-2	2011-2015
9	53130321	Nguyễn Minh Trường	Giang	11/11/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53.CN XD-2	2011-2015
10	53131243	Phạm Văn Phi	Phi	01/02/1992	Quảng Trị	Nam	Trung bình	53.CN XD-2	2011-2015
11	53131305	Dương Đức Quang	Quang	02/03/1993	Quảng Nam	Nam	Khá	53.CN XD-2	2011-2015
12	53131437	Huỳnh Nguyễn Duy Tân	Tân	20/06/1993	T.T. Huế	Nam	Trung bình	53.CN XD-2	2011-2015
13	53131607	Nguyễn Văn Thanh	Thanh	28/02/1991	Nghệ An	Nam	Trung bình	53.CN XD-2	2011-2015

Danh sách có 13 sinh viên.

19. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51130736	Nguyễn Thị Lan	Lan	07/06/1990	Nghệ An	Nữ	Trung bình	51CBTP-1	2009-2013
2	53130247	Hồ Văn Dũng	Dũng	18/07/1993	Nghệ An	Nam	Trung bình	53.CNTP-1	2011-2015
3	53130616	Hồ Thị Trúc Hòa	Hòa	19/10/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.CNTP-1	2011-2015
4	53130679	Nguyễn Thị Thu Huyền	Huyền	21/03/1993	Bình Định	Nữ	Khá	53.CNTP-1	2011-2015
5	53131038	Lê Thị Thanh Nga	Nga	17/07/1992	Đắk Lắk	Nữ	Khá	53.CNTP-1	2011-2015
6	53132076	Nguyễn Hà Thảo Vy	Vy	11/10/1993	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	53.CNTP-1	2011-2015
7	53132104	Hà Văn Bôn	Yã	11/09/1991	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	53.CNTP-1	2011-2015
8	53131255	Lê Thị Phụng	Phụng	02/05/1993	Quảng Trị	Nữ	Khá	53.CNTP-2	2011-2015
9	53131384	Lê Thành Sơn	Sơn	23/08/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53.CNTP-2	2011-2015
10	53131962	Đào Thị Hồng Tuyết	Tuyết	08/12/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53.CNTP-2	2011-2015
11	53130485	Võ Văn Hậu	Hậu	10/01/1993	Bình Định	Nam	Khá	53.CNTP-3	2011-2015
12	53131846	Võ Thị Trang	Trang	01/01/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53.CNTP-3	2011-2015

Danh sách có 12 sinh viên.

20. Ngành Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51132141	Bùi Phát Đạt	Đạt	08/02/1991	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	51TTDL	2009-2013
2	51131421	Lê Hữu Thuận	Thuận	12/03/1991	Ninh Bình	Nam	TB Khá	51TTDT-2	2009-2013
3	52131947	Phan Văn Bửu	Bửu	01/06/1989	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	52DLTT	2010-2014
4	52131956	Bùi Tiến Dũng	Dũng	03/08/1992	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	52DLTT	2010-2014
5	53130535	Bùi Quốc Hiệp	Hiệp	04/01/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53.KTTT	2011-2015

20. Ngành Kỹ thuật tài chính

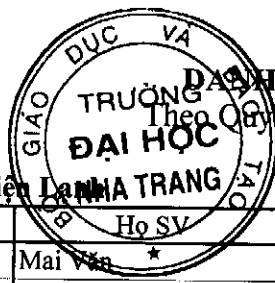
TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
6	53130589	Trần Hải	Hùng	11/01/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.KTTT	2011-2015
7	53130697	Nguyễn Văn	Khôi	27/02/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.KTTT	2011-2015

Danh sách có 07 sinh viên

21. Ngành Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51131992	Trương Quang	Vin	15/07/1991	Quảng Ngãi	Nam	TB Khá	51.NTTS	2011-2015
2	53130491	Huỳnh Xuân	Hùng	10/09/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53.NTTS	2011-2015
3	53130578	Nguyễn Hữu	Hoàng	02/10/1993	Thanh Hoá	Nam	Khá	53.NTTS	2011-2015
4	53131253	Nguyễn Tấn	Phước	21/10/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53.NTTS	2011-2015
5	53131414	Trần Văn	Sửu	10/06/1992	Quảng Bình	Nam	Khá	53.NTTS	2011-2015
6	53131465	Nguyễn Thị ái	Thư	10/08/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53.NTTS	2011-2015
7	53131766	Nguyễn Thế	Toàn	16/12/1993	Nghệ An	Nam	Khá	53.NTTS	2011-2015
8	53131936	Nguyễn Mạnh	Tuấn	26/08/1993	Ninh Bình	Nam	Khá	53.NTTS	2011-2015

Danh sách có 08 sinh viên.



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ IV NĂM 2015
Theo Quyết định số 1011 /QĐ-ĐHNT ngày 30 / 10 / 2015
Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Ngành Cơ Điện

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52160135	Mai Văn	Nghĩa	09/09/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	CDL52	2010-2013
2	53160121	Mai Nguyên Phước	Bửu	08/06/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53C.CNNL	2011-2014
3	53160726	Huỳnh Sĩ	Mỹ	11/10/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53C.CNNL	2011-2014

Danh sách có 03 sinh viên.

2. Ngành Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51160886	Nguyễn Thị	Tân	10/06/1991	Hà Tĩnh	Nữ	TB Khá	CCB51	2009-2012
2	51160779	Lê Văn	Toàn	13/04/1990	Nghệ An	Nam	Trung bình	CCB51	2009-2012
3	53161607	Đào Thị Mỹ	Linh	22/02/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	53C.CBTS-1	2011-2014
4	53160536	Nguyễn Duy	Khánh	01/05/1992	Phú Yên	Nam	Khá	53C.CBTS-2	2011-2014
5	54160351	Kiều Thụy Hoài	Kim	11/09/1993	Ninh Thuận	Nữ	Khá	54C.CBTS	2012-2015
6	54160574	Trần Thanh	Phong	18/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CBTS	2012-2015
7	54161043	Đỗ Thùy Lam	Phuong	01/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.CBTS	2012-2015

Danh sách có 07 sinh viên.

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	54160070	Nguyễn Phan Xuân	Cường	10/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.CDT	2012-2015
2	54160858	Nguyễn Phụng	Triều	22/01/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CDT	2012-2015

Danh sách có 02 sinh viên.

4. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53160043	Nguyễn Đình	Điệp	20/07/1993	Nghệ An	Nam	Trung bình	53C.DDT	2011-2014
2	53160050	Nguyễn Minh	Đức	18/03/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53C.DDT	2011-2014
3	54160196	Nguyễn Xuân	Hải	14/07/1993	Hà Tĩnh	Nam	Khá	54C.DDT	2012-2015
4	54160264	Nguyễn Tấn	Hưng	24/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.DDT	2012-2015
5	54160504	Nguyễn Chí	Nhất	16/12/1993	Bình Định	Nam	Khá	54C.DDT	2012-2015
6	54160540	Võ Tấn	Pháp	22/10/1994	Bình Định	Nam	Khá	54C.DDT	2012-2015
7	54160883	Hồ Minh	Trí	19/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.DDT	2012-2015

Danh sách có 07 sinh viên.

5. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	54160424	Nguyễn Văn	Luân	01/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNNL	2012-2015
2	54160441	Hình Tinh	Minh	16/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	54C.CNNL	2012-2015

Danh sách có 02 sinh viên.

6. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52160689	Đào Tấn	Thành	20/02/1991	Phú Yên	Nam	Khá	CNL52	2010-2013

Danh sách có 01 sinh viên.

7. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53160322	Trần Thị	Hà	06/03/1993	Thanh Hoá	Nữ	Khá	53C.CNTT	2011-2014
2	53160540	Nguyễn Phúc Bảo	Khương	05/06/1992	Khánh Hoà	Nam	Khá	53C.CNTT	2011-2014
3	53161427	Lê Bá	Trung	03/03/1992	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53C.CNTT	2011-2014
4	53161543	Nguyễn Phan Hoàng	Vũ	16/12/1992	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53C.CNTT	2011-2014
5	53161544	Nguyễn Quân	Vũ	12/04/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53C.CNTT	2011-2014
6	54160039	Lê Quang Tuấn	Anh	18/02/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	54C.CNTT	2012-2015
7	54160078	Trương Minh	Cường	11/06/1994	Phú Yên	Nam	Khá	54C.CNTT	2012-2015
8	53130044	Trương Phú	Được	21/06/1993	Phú Yên	Nam	Trung bình	54C.CNTT	2012-2015
9	54160240	Nguyễn Thị	Hiền	29/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.CNTT	2012-2015
10	54160279	Huỳnh Nhật	Hoàng	02/04/1993	Bình Thuận	Nam	Khá	54C.CNTT	2012-2015
11	54160543	Nông Thị	Phuong	12/07/1993	Đắk Lắk	Nữ	Khá	54C.CNTT	2012-2015

7. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
12	54160740	Trần Bình	Thiên	12/11/1994	Phú Yên	Nam	Khá	54C.CNTT	2012-2015
13	54160872	Nguyễn Thành	Trung	17/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.CNTT	2012-2015

Danh sách có 13 sinh viên.

8. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53160497	Nguyễn Đức	Huệ	10/10/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	53C.CNTP-1	2011-2014
2	53160576	Nguyễn Minh	Lâm	27/01/1993	Bình Định	Nam	Trung bình	53C.CNTP-1	2011-2014
3	53160654	Nguyễn Thị	Lệ	09/02/1993	Bình Định	Nữ	Khá	53C.CNTP-2	2011-2014
4	53160959	Nguyễn Tiên	Phong	31/10/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53C.CNTP-2	2011-2014
5	53161479	Nguyễn Trung	Tín	14/10/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53C.CNTP-2	2011-2014
6	53160142	Trần Văn	Châu	28/07/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53C.CNTP-3	2011-2014
7	53161472	Đình Trung	Tín	10/12/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53C.CNTP-3	2011-2014
8	54160107	Nguyễn Thị	Én	10/02/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.CNTP-1	2012-2015
9	54160464	Nguyễn Thị Kim	Ngà	03/04/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.CNTP-1	2012-2015
10	54160514	Cao Thị	Nho	03/09/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.CNTP-1	2012-2015
11	54160656	Võ Thị	Tài	17/04/1994	Quảng Trị	Nữ	Khá	54C.CNTP-1	2012-2015
12	54160711	Nguyễn Thị	Thắm	28/04/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	54C.CNTP-1	2012-2015
13	54160003	La Thị Ngọc	Ánh	26/01/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
14	54160065	Nguyễn Thị	Bo	05/07/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
15	54160177	Trần Thị Nguyên	Hà	20/06/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
16	54160156	Nguyễn Thị	Hằng	10/05/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
17	54160388	Hồ Thị Mỹ	Linh	10/06/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
18	54160501	Huỳnh Thị Thu	Nhàn	12/02/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
19	54160560	Tô Bích	Phượng	02/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.CNTP-2	2012-2015
20	54160587	Ngô Văn	Quang	27/11/1994	Phú Yên	Nam	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
21	54160691	Võ Thị	Thảo	17/04/1994	Quảng Trị	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
22	54160753	Lê Thị	Thoa	20/07/1994	Phú Yên	Nữ	Trung bình	54C.CNTP-2	2012-2015
23	54160783	Phạm Thị Ngọc	Thúy	21/10/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
24	54160814	Huỳnh Nguyễn Huyền	Trâm	10/10/1993	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
25	54160857	Trương Văn	Triết	26/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
26	54160919	Trần Đình	Văn	14/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
27	54160963	Trần Thị	Vy	04/04/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015

Danh sách có 27 sinh viên.

9. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51160855	Đặng Hồng Thanh	Trúc	15/06/1991	Khánh Hoà	Nữ	TB khá	CDN51-4	2009-2012
2	52160374	Phạm Duy	Tân	05/09/1991	Thái Bình	Nam	Trung bình	CDN52-2	2010-2013
3	52160363	Đỗ Cảnh	Toàn	10/01/1992	Nam Định	Nam	Trung bình	CDN52-2	2010-2013
4	53160208	Đỗ Thị	Dung	10/03/1993	Thanh Hoá	Nữ	Khá	53C.KT-1	2011-2014
5	53160966	Phùng Thanh	Phụng	16/04/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53C.KT-1	2011-2014
6	53161226	Nguyễn Xuân	Thiên	14/05/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53C.KT-1	2011-2014
7	53160482	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	16/06/1992	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53C.KT-2	2011-2014
8	52131643	La Thị Mai	Linh	16/04/1992	Thanh Hóa	Nữ	Trung bình	53C.KT-2	2011-2014
9	53161568	Trần Thị Phương	Xuân	31/03/1993	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53C.KT-2	2011-2014
10	53160567	Lê Thị Thúy	Kiều	22/01/1993	Thừa Thiên Huế	Nữ	Trung bình	53C.KT-3	2011-2014
11	53161489	Nguyễn Mai Thảo	Uyên	10/12/1993	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53C.KT-3	2011-2014
12	53161621	Nguyễn Thị Hoàng	An	07/03/1993	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53C.KT-4	2011-2014
13	53160091	Phan Thị Quỳnh	Anh	01/01/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53C.KT-4	2011-2014
14	53160905	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/08/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	53C.KT-4	2011-2014
15	53160066	Võ Thạch	An	18/12/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53C.KT-5	2011-2014
16	53161248	Phạm Thị Thanh	Thủy	03/03/1992	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53C.KT-5	2011-2014
17	53161420	Vương Thị Hồng	Trong	12/12/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	53C.KT-5	2011-2014
18	53160224	Trần Phương	Dung	10/05/1993	Bình Thuận	Nữ	Khá	53C.KT-6	2011-2014
19	53160499	Trần Thị	Huệ	28/10/1993	Thái Bình	Nữ	Trung bình	53C.KT-6	2011-2014
20	53160769	Vũ Ngọc Như	Ngân	11/05/1993	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53C.KT-6	2011-2014

9. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
21	53161011	Phạm Thị Ngọc	Quyên	14/05/1993	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53C.KT-6	2011-2014
22	53161410	Lê Thị Kim	Trúc	10/03/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53C.KT-6	2011-2014
23	53161515	Lê Thị Thúy	Vi	28/04/1993	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53C.KT-6	2011-2014
24	54160153	Mai Thị	Giang	28/11/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	54C.KT-1	2012-2015
25	54160181	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/07/1994	Bình Định	Nữ	Trung bình	54C.KT-1	2012-2015
26	54160199	Huỳnh Thanh	Hải	29/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.KT-1	2012-2015
27	54160454	Nguyễn Đức	Nam	04/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.KT-1	2012-2015
28	54160640	Nguyễn Khánh	Tâm	10/03/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.KT-1	2012-2015
29	54160689	Đào Phương	Thảo	10/04/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-1	2012-2015
30	54160792	Nguyễn Thị Thu	Tiền	07/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-1	2012-2015
31	54160851	Phạm Nguyễn Phương	Trinh	19/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-1	2012-2015
32	54161046	Hà Anh	Tuấn	18/06/1994	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	54C.KT-1	2012-2015
33	54160137	Võ Thị Mỹ	Duyên	15/06/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-2	2012-2015
34	54160210	Nguyễn Thị Xuân	Hạnh	05/11/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-2	2012-2015
35	54160273	Nguyễn Thị	Hoài	10/10/1994	Nghệ An	Nữ	Khá	54C.KT-2	2012-2015
36	54160166	Nguyễn Thị Diễm	Hương	28/01/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-2	2012-2015
37	54160596	Phan Thị Ngọc	Quỳnh	27/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-2	2012-2015
38	54160796	Võ Thị Kim	Tiến	02/06/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.KT-2	2012-2015
39	54160977	Bùi Kim	Yến	23/03/1994	Khánh hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-2	2012-2015
40	54160427	Đặng Thị	Luận	30/12/1994	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	54C.KT-3	2012-2015
41	54160467	Nguyễn Thị	Nga	06/04/1994	Nghệ An	Nữ	Khá	54C.KT-3	2012-2015
42	54160523	Trần Hải	Nhung	05/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-3	2012-2015
43	54160781	Đoàn Thị Thu	Thủy	27/09/1994	Bình Định	Nữ	Khá	54C.KT-3	2012-2015
44	54160761	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	11/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-3	2012-2015
45	54160801	Trần Thị Kim	Tú	22/09/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.KT-3	2012-2015
46	54160980	Lê Thanh Hoàng	Yến	28/03/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-3	2012-2015
47	54160119	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	09/10/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-4	2012-2015
48	54160998	Phạm Thị	Dung	08/06/1994	Nam Định	Nữ	Khá	54C.KT-4	2012-2015
49	54160244	Nguyễn Thị Minh	Hiền	13/05/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-4	2012-2015
50	54160322	Trần Khánh	Huyền	09/06/1994	Quảng Bình	Nữ	Khá	54C.KT-4	2012-2015
51	54160548	Đặng Thị Mỹ	Phương	03/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-4	2012-2015
52	54160735	Phạm Ngọc Anh	Thị	20/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-4	2012-2015
53	54160787	Phạm Thụy Thủy	Tiền	19/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-4	2012-2015
54	54160894	Vũ Thị	Tuấn	13/03/1994	Thanh Hoá	Nữ	Khá	54C.KT-4	2012-2015

Danh sách có 54 sinh viên.

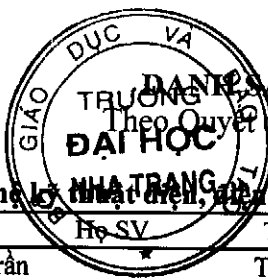
10. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	53160198	Nguyễn Ngọc Anh	Dũng	02/09/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53C.QTKD-2	2011-2014
2	53160078	Nguyễn Hoàng	Anh	30/06/1992	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53C.QTKD-3	2011-2014
3	53160225	Hồ Quang	Duy	08/05/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53C.QTKD-3	2011-2014
4	53160455	Nguyễn Khắc Trọng	Hoàng	21/05/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53C.QTKD-3	2011-2014
5	53160988	Nguyễn Diễm	Quỳnh	22/10/1992	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53C.QTKD-3	2011-2014
6	53161169	Trương Thị Hồng	Thảo	14/03/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	53C.QTKD-3	2011-2014
7	53161586	Phan Đỗ Hồng	Yến	08/01/1993	Phú Yên	Nữ	Trung bình	53C.QTKD-3	2011-2014
8	54160053	Ngô Lê Ngọc	Anh	21/07/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-1	2012-2015
9	54160290	Trần Thị Tuyết	Hoa	13/01/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-1	2012-2015
10	54160232	Nguyễn Công	Hùng	24/04/1993	Gia Lai	Nam	Trung bình	54C.QTKD-1	2012-2015
11	54160234	Đặng Minh	Hùng	20/05/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.QTKD-1	2012-2015
12	54160325	Nguyễn Lê Anh	Huyền	31/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-1	2012-2015
13	54161021	Trịnh Thị Minh	Huyền	17/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-1	2012-2015
14	54160603	Lê Thảo	Quyên	01/01/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-1	2012-2015
15	54160844	Lê Thị Diễm	Trang	08/07/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-1	2012-2015
16	54160903	Đinh Thị ánh	Tuyết	10/03/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-1	2012-2015
17	54160938	Võ Nữ Huyền	Vi	21/05/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-1	2012-2015

10. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
18	54161049	Nguyễn Thị Âu	14/11/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
19	54160191	Nguyễn Quốc Hà	17/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
20	54160201	Hồ Nam Hải	02/01/1993	Gia Lai	Nam	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
21	54160313	Nguyễn Đăng Huy	05/02/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
22	54160447	Mai Hoàng Minh	13/11/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
23	54160455	Huỳnh Tấn Nam	07/12/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
24	54160478	Hồ Thị Bích Ngọc	20/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-2	2012-2015
25	54161037	Hoàng Thị Thanh Thảo	08/11/1994	Nghệ An	Nữ	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
26	54160737	Ngô Thị Như Thi	25/05/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-2	2012-2015
27	54160826	Trần Nguyễn Hoàng Trân	14/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
28	54160935	Huỳnh Hà Thúy Vi	14/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-2	2012-2015
29	54160123	Võ Ngọc Tuyết Dung	01/04/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
30	54160161	Nguyễn Thị Bích Hằng	03/06/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
31	54160246	Lưu Thị Ngọc Hiền	23/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
32	54160296	Nguyễn Thọ Minh Huân	02/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
33	54160324	Từ Minh Ngọc Huyền	07/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
34	54160412	Hồ Huỳnh Thị Loan	18/04/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
35	54160383	Huỳnh Thị Mỹ Lợi	19/05/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-3	2012-2015
36	54160758	Lê Thị Kim Thoa	26/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
37	54160866	Trần Thị Thanh Trúc	21/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-3	2012-2015
38	54160895	Hồ Văn Tuấn	26/04/1994	Nghệ An	Nam	Trung bình	54C.QTKD-3	2012-2015

Danh sách có 38 sinh viên.



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ IV NĂM 2015
Theo Quyết định số 1011 /QĐ-ĐHNT ngày 30 / 10 / 2015
Loại hình đào tạo: Trung cấp chính quy

1. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	54170460	Trần	Tiến	06/10/1993	Nghệ An	Nam	TB Khá	54T.DDT	2012-2014

Danh sách có 01 sinh viên.

2. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	54170127	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	15/04/1994	Khánh Hòa	Nữ	TB Khá	54T.CNTP	2012-2014
2	54170307	Lê Thị Yến	Nhi	23/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	TB Khá	54T.CNTP	2012-2014
3	55171056	Nguyễn Trường	Long	26/09/1994	Khánh Hoà	Nam	TB Khá	55T.CNTP	2013-2015
4	55173831	Phạm Thị Thu	Thương	19/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55T.CNTP	2013-2015

Danh sách có 04 sinh viên.

3. Ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	52170414	Phạm Thị Thúy	Nhi	28/03/1992	Khánh Hòa	Nữ	TB Khá	TDN52-3	2010-2012
2	53170378	Vũ Thị Cẩm	Lê	24/05/1993	Nam Định	Nữ	Trung bình	53T.KTDN-1	2011-2013
3	53170533	Đào Thị Yến	Nhi	01/11/1993	Khánh Hoà	Nữ	TB Khá	53T.KTDN-4	2011-2013
4	53170151	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	06/02/1993	Bình Định	Nữ	TB Khá	53T.KTDN-6	2011-2013
5	54170165	Võ Tú	Hoan	30/03/1994	Khánh Hoà	Nam	TB Khá	54T.KT-1	2012-2014
6	55172417	Trần Hoài	Nam	03/12/1995	Khánh Hoà	Nam	TB Khá	55T.KT	2013-2015
7	55173826	Trần Thị	Thương	15/09/1994	Nghệ An	Nữ	Khá	55T.KT	2013-2015

Danh sách có 07 sinh viên.

4. Ngành Kế toán - Tin học

TT	Mã SV	Họ SV	Tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	XL	Lớp	Khoá học
1	51170111	Đinh Thị Ngọc	Hoa	26/09/1991	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	TDN51-3	2009-2011

Danh sách có 01 sinh viên.